

BÁO CÁO

**Tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2017,
phương hướng, nhiệm vụ năm 2018**

PHẦN THỨ NHẤT

Tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2017

VĂN PHÒNG HĐND TỈNH AG	
ĐẾN	Ngày: 30/11/2017
	Số: 354.5
	Chuyển:
	Lưu Hồ Sơ: BC UBND

Năm 2017 là năm thứ 2 triển khai thực hiện kế hoạch kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020. Bước vào triển khai thực hiện nhiệm vụ, bên cạnh những thuận lợi, vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức như: thời tiết diễn biến bất thường, mưa trái mùa kéo dài, sạt lở bờ sông ở một số địa phương, nguồn cát xây dựng khan hiếm, dịch bệnh gia tăng..., đã tác động đến hoạt động sản xuất và đời sống nhân dân, nhưng với sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, điều hành của UBND tỉnh, sự nỗ lực của các ngành, các cấp, doanh nghiệp và nhân dân, kinh tế - xã hội năm 2017 của tỉnh chuyển biến tích cực, đạt mức tăng trưởng khá và cao hơn so cùng kỳ 2016. Các lĩnh vực văn hoá, an sinh xã hội có nhiều tiến bộ; quốc phòng an ninh tiếp tục được đảm bảo.

Trong 21 chỉ tiêu Nghị quyết số 38/2016/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh, đã thực hiện đạt và vượt 17 chỉ tiêu (chiếm 80,95% tổng chỉ tiêu), còn lại 04 chỉ tiêu không đạt (gồm 02 chỉ tiêu kinh tế, 02 chỉ tiêu xã hội), cụ thể:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	NQHĐND 2017	Ước 2017	So sánh
1	Tốc độ tăng trưởng GRDP (Giá SS 2010)	%	6,7	5,11	Không đạt
	- Khu vực Nông, lâm, thủy sản	%	2,17	1,02	
	- Khu vực Công nghiệp và Xây dựng	%	9	7,02	
	- Khu vực Dịch vụ	%	9,41	7,22	
	- Thuế sản phẩm trừ trợ giá chính sách	%	1,51	5,84	
2	GRDP bình quân đầu người	Triệu đồng	36,939	34,333	Không đạt
3	Giá trị sản xuất nông nghiệp bình quân	Triệu đồng/ha	166	173	Vượt
4	Kim ngạch xuất khẩu	Triệu	820	820	Đạt

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	NQHĐND 2017	Ước 2017	So sánh
		USD			
5	Tổng vốn đầu tư toàn xã hội	Tỷ đồng	26.189	26.192	Vượt
6	Thu ngân sách từ kinh tế địa bàn (tỷ đồng)	Tỷ đồng	5.405	5.780	Vượt
7	Quy mô dân số	Nghìn người	2.163	2.163	Đạt
8	Tạo việc làm	Người	30.000	30.000	Đạt
9	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	54	56,6	Vượt
10	Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo	%	1,5	1,5	Đạt
11	Tỷ lệ dân tham gia bảo hiểm y tế	%	76	76	Đạt
12	Số giường bệnh trên 10.000 dân	Giường	20,44	19,7	Không đạt
13	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi SDD thể cân nặng	%	11,7	12,3	Không đạt
14	Tỷ suất tử vong trẻ em dưới 1 tuổi	‰	6	6	Đạt
15	Tỷ suất tử vong trẻ em dưới 5 tuổi	‰	11,2	11,2	Đạt
16	Tỷ lệ học sinh đi học đúng độ tuổi bậc tiểu học	%	99,6	100	Vượt
17	Tỷ lệ học sinh đi học đúng độ tuổi bậc THCS	%	89	92,57	Vượt
18	Tỷ lệ học sinh đi học đúng độ tuổi bậc THPT	%	53	55	Vượt
19	Tỷ lệ dân số nông thôn được cấp nước hợp vệ sinh	%	83	83	Đạt
20	Tỷ lệ che phủ rừng và cây xanh phân tán	%	22,4	22,4	Đạt
21	Phần đầu xã đạt chuẩn nông thôn mới	Xã	32	33	Vượt

I. LĨNH VỰC KINH TẾ

1. Tốc độ tăng trưởng kinh tế

Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP - theo giá so sánh 2010) tăng 5,11%, cao hơn mức tăng của năm 2015 (là 5,04%) và 2016 (là 4,47%). Trong mức tăng 5,11% thì khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 1,02%, đóng góp 1,63 điểm phần trăm vào tăng trưởng chung, cao hơn mức tăng 0,40% của năm 2016; khu vực Công nghiệp - Xây dựng tăng 7,02%, đóng góp 0,74 điểm phần trăm, cao hơn mức tăng 6,96% của năm 2016; khu vực dịch vụ tăng 7,22%, đóng góp 2,66 điểm phần trăm, cao hơn mức tăng 6,67% của năm 2016; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm tăng 5,84% đóng góp 0,08 điểm phần trăm, cao hơn mức tăng 2,17% của năm 2016.

Cơ cấu kinh tế cả năm 2017 tiếp tục chuyển dịch theo hướng tích cực và dần ổn định (khu vực I ngày càng giảm và khu vực II, khu vực III tăng dần qua các năm), trong đó: Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 30,90%; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 14,21%; khu vực dịch vụ chiếm 53,30%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm

chiếm 1,60% (cơ cấu kinh tế năm 2016 lần lượt là 32,96%; 13,73%; 51,70% và 1,61%).

2. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản

Ước tính tổng giá trị sản xuất (theo giá so sánh 2010) của khu vực I ước đạt 40.025 tỷ đồng, tăng 1,82% (tăng 714 tỷ đồng) so với năm 2016, trong đó nông nghiệp đạt gần 31.623 tỷ đồng, tăng 0,14% (tương đương 43 tỷ đồng); lâm nghiệp đạt gần 300,6 tỷ đồng, tăng 3,59% (tương đương 10,4 tỷ đồng); thủy sản đạt 8.101 tỷ đồng, tăng 8,88% (tương đương 661 tỷ đồng). Như vậy tốc độ tăng trưởng kinh tế khu vực này dự kiến chỉ tăng 1,02%, chưa đạt mục tiêu kế hoạch năm 2017 đã đề ra là 2,17%.

2.1. Nông nghiệp

a) Trồng trọt

- *Cây hàng năm*: Tính chung cả năm, tổng diện tích gieo trồng cây hàng năm năm 2017 đạt gần 699,7 ngàn ha, giảm 28.843 ha so năm 2016 (cùng kỳ 728.460 ha). Trong đó: (+) Diện tích lúa 641,1 ngàn ha (giảm 27.908 ha), gồm: Vụ Mùa 4.964 ha (giảm 56 ha); vụ Đông Xuân 236.231 ha (giảm 3.031 ha); vụ Hè Thu 232.596 ha (giảm 7.022 ha) và vụ Thu Đông 167.313 ha (giảm 17.798 ha); (+) Hoa màu gieo trồng được hơn 58,5 ngàn ha, giảm 936 ha so cùng kỳ, cụ thể: Vụ Mùa 352 ha (giảm 636 ha), Đông Xuân 20.330 ha (giảm 419 ha); Hè Thu 22.316 ha (tăng 681 ha) và Thu Đông 15.551 ha (giảm 561 ha).

Năng suất lúa bình quân cả năm ước đạt 60,69 tạ/ha, tăng 2,15% (tăng 1,28 tạ/ha so cùng kỳ), trong đó: Vụ Đông Xuân 70,29 tạ/ha, giảm 1,59 tạ/ha; vụ Hè Thu 54,06 tạ/ha, giảm 0,8 tạ/ha và Thu Đông 57,24 tạ/ha, tăng 7,52 tạ/ha (theo báo cáo tháng 10 ước năng suất cả vụ đạt 57,1 tạ/ha). Tổng sản lượng lúa cả năm đạt gần 3,89 triệu tấn (giảm gần 84 ngàn tấn), gồm: Vụ Đông Xuân 1,66 triệu tấn (giảm gần 59,5 ngàn tấn); vụ Hè Thu đạt gần 1,26 triệu tấn (giảm gần 57 ngàn tấn) và vụ Thu Đông đạt 956 ngàn tấn (tăng 35,5 ngàn tấn); trong đó, riêng sản lượng nếp đạt khoảng 1,05 triệu tấn, tăng 225,1 ngàn tấn (Đông Xuân tăng 208 ngàn tấn; Hè Thu tăng 27,3 ngàn tấn và Thu Đông giảm 10,1 ngàn tấn).

- *Cây lâu năm*: Thực hiện Đề án tái cơ cấu nông nghiệp, diện tích cây lâu năm của tỉnh, đặc biệt là diện tích cho sản phẩm tăng qua từng năm. Nhờ vậy, tổng sản lượng các loại cây lâu năm tiếp tục tăng, ước cả năm đạt 196 ngàn tấn, tăng 17,35% (tăng 29 ngàn tấn) so với năm 2016. Cụ thể: (+) Về diện tích: Tổng diện tích trồng mới cả năm khoảng 2,5 ngàn ha, chủ yếu là các loại cây ăn quả như: Xoài, chuối, bưởi, cam, quýt,... Qua đó, nâng diện tích cây lâu năm hiện có hơn 15,8 ngàn ha (tăng 19,21% so cùng kỳ), trong đó loại cây ăn quả gần 13,6 ha, chiếm khoảng 86% diện tích cây lâu năm toàn tỉnh; (+) Về năng suất, sản lượng: Mặc dù, bị ảnh hưởng của tình hình thời tiết, sâu bệnh song nhờ tích cực

chăm sóc, chuyên đổi giống, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật nên năng suất của hầu hết các loại cây ăn quả đều tăng so với cùng kỳ, như: xoài 178,82 tạ/ha (tăng 0,83 tạ/ha), sản lượng đạt gần 125,5 ngàn tấn, tăng 30,3 ngàn tấn; chuối 190,5 tạ/ha (tăng 3,76 tạ/ha); sản lượng 33,7 ngàn tấn (tăng 10,3 ngàn tấn); cam năng suất đạt 105,34 tạ/ha (tăng 2,5 tạ/ha), sản lượng 445 tấn, tăng 138 tấn; quýt đạt 82,53 tạ/ha (tăng 2,46 tạ/ha), sản lượng 877 tấn, tăng 199 tấn.

b) Chăn nuôi

Tình hình giá bán các sản phẩm chăn nuôi chưa có nhiều khởi sắc nên quy mô đàn chăn nuôi thời điểm cuối năm cũng chưa có nhiều chuyển biến. Ước tính, sản lượng thịt hơi xuất chuồng cả năm khoảng 30,3 ngàn tấn, bằng 86,46% so cùng kỳ; trong đó: Sản lượng thịt trâu bò xuất hơi chuồng khoảng 8 ngàn tấn, bằng 95,46% so cùng kỳ, trong đó sản lượng thịt bò 7,7 ngàn tấn (chiếm 96,01%), bằng 95,43% so cùng kỳ; sản lượng thịt heo hơi xuất chuồng được 15,7 ngàn tấn, bằng 83,09% so cùng kỳ; sản lượng thịt gia cầm hơi xuất chuồng khoảng 6,3 ngàn tấn, bằng 84,51% so cùng kỳ. Trứng gia cầm có khoảng 361,6 triệu quả, bằng 108,13% so cùng kỳ; trong đó, trứng vịt 360 triệu quả (chiếm 99,39%), bằng 108,23% so cùng kỳ.

2.2. Lâm nghiệp

Diện tích rừng trồng được chăm sóc đạt 156,20 ha, tăng 93,60% (tăng 72,52 ha) so cùng kỳ; số cây lâm nghiệp trồng phân tán khoảng 4,9 triệu cây, bằng 98,39% so cùng kỳ; Rừng phòng hộ, đặc dụng, thực hiện trồng mới 89,77 ha rừng, bằng 75,19% so năm 2016 (năm 2016 là 119,39 ha).

2.3. Thủy sản

Năm nay, ngành thủy sản gặp nhiều điều kiện thuận lợi như nước lũ lớn, tình hình giá cả tiêu thụ khá thuận lợi, kết hợp với việc thay đổi cơ cấu loại thủy sản nuôi đã mang lại kết quả khả quan, sản lượng thủy sản khai thác, nuôi trồng đều tăng. Diện tích thủy sản thu hoạch cả năm khoảng 1.975 ha, tăng 2,17% so cùng kỳ (năm 2016 là 1.933 ha). Trong đó, diện tích cá tra 1.295 ha (chiếm 65,57%), tăng 1,09% so cùng kỳ (năm 2016 là 1.281 ha). Riêng doanh nghiệp có 641 ha (chiếm 49,5%), tăng 4,26% so cùng kỳ.

Sản lượng thủy sản nuôi trồng thu hoạch cả năm được khoảng 362 ngàn tấn, tăng 4,02% so cùng kỳ (tăng 14 ngàn tấn). Trong đó, cá tra 285.000 tấn, tăng 18.000 tấn so với năm 2016. Nguồn lợi thủy sản tự nhiên khai thác có phần tăng hơn so cùng kỳ. Ước tính sản lượng thủy sản khai thác được khoảng 28,2 ngàn tấn, tăng 33% so cùng kỳ (năm 2016 là 21 ngàn tấn).

2.4. Nông thôn mới

Theo Kế hoạch năm 2017 của Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới, tỉnh phấn đấu có thêm 11 xã đạt chuẩn nông thôn mới, nâng tổng số xã đạt chuẩn 32/119 xã (chiếm 26,89%). Hiện nay, một xã (lộ trình đạt chuẩn năm 2018) đăng ký phấn đấu đạt chuẩn xã nông thôn mới năm 2017 là: xã Vĩnh Khánh - huyện Thoại Sơn. Dự kiến đến cuối năm 2017, sẽ có 33/119 xã đạt chuẩn nông thôn mới.

3. Công nghiệp – Xây dựng

3.1. Sản xuất công nghiệp

Chỉ số sản xuất công nghiệp ước cả năm tăng 6,75% so cùng kỳ năm trước; trong đó, tăng cao hơn mức tăng chung và cao nhất là ngành khai khoáng tăng 9,16%; kế đến là ngành chế biến, chế tạo tăng 7,03%; ngành cung cấp nước và xử lý nước thải, rác thải tăng 4,52%; ngành sản xuất, phân phối điện và nước đá tăng 3,86%. Giá trị sản xuất công nghiệp ước năm 2017 (theo giá so sánh năm 2010) ước đạt 36.609,5 tỷ đồng, tăng 7,43% so cùng kỳ, trong đó: Khai khoáng đạt 734,8 tỷ đồng, tăng 9,65%; chế biến chế tạo đạt 35.057,1 tỷ đồng, tăng 7,38%; sản xuất, phân phối điện và nước cấp đạt 462 tỷ đồng, tăng 7,66% và cung cấp nước và xử lý rác thải đạt 355,6 tỷ đồng, tăng 7,56%.¹

3.2. Xây dựng

Ước cả năm 2017, giá trị sản xuất ngành xây dựng theo giá so sánh 2010 đạt 7.207 tỷ đồng, so cùng kỳ năm trước tăng 6,77%, trong đó: giá trị sản xuất xây dựng công trình nhà ở đạt 4.177 tỷ đồng, tăng 6,91%; công trình nhà không ở đạt 1.695 tỷ đồng, tăng 6,61%; công trình kỹ thuật dân dụng đạt 931 tỷ đồng, tăng 6,56% và công trình xây dựng chuyên dụng đạt 404 tỷ đồng, tăng 6,38%.

3.3. Đầu tư xây dựng

Giải ngân vốn đầu tư xây dựng ước giải cả năm 2017 trên 3.390,68 tỷ đồng, đạt 96,30%, so với cùng kỳ năm 2016 (90,32%) cao hơn 5,98%, trong đó: (1) Nguồn vốn đầu tư tập trung trên 1.189,15 tỷ đồng, đạt 97,79% kế hoạch, (2) Nguồn thu sử dụng đất 300 tỷ đồng, đạt 100% kế hoạch; (3) Vốn XSKT trên 1.153,46 tỷ đồng đạt 98% kế hoạch; (4) Vốn NSTW trên 432,12 tỷ đồng đạt 97,64% kế hoạch; (5) Vốn nước ngoài trên 315,9 tỷ đồng đạt 82% kế hoạch.

4. Hoạt động Dịch vụ

¹Một số sản phẩm tăng so cùng kỳ năm trước: Gạo đã xát toàn bộ hoặc sơ bộ ước đạt 1,929 triệu tấn, tăng 1,60% so cùng kỳ năm trước (cùng kỳ 1,899 triệu tấn). Đá xây dựng ước đạt 4,826 triệu m³, tăng 4,83% (cùng kỳ 4,603 m³). Thuốc lá có đầu lọc ước đạt 77,7 triệu bao, tăng 12,09% (cùng kỳ 69,32 triệu bao). Ba lô ước đạt 25,3 triệu cái, tăng 39,1% (cùng kỳ 18,18 triệu cái). Thuốc trừ sâu khác và sản phẩm hóa chất khác dùng trong nông nghiệp ước đạt 22.465 tấn, tăng 6,95% (cùng kỳ 21.005 tấn). Xi măng Portland đen ước đạt 339.853 tấn, tăng 1,7% (cùng kỳ 210.114 tấn). Cấu kiện làm sẵn cho xây dựng ước đạt 190.952 tấn, tăng 11,68% (cùng kỳ 170.981 tấn). Bê tông trộn sẵn (bê tông tươi) đạt 120.196 m³, tăng 26% (cùng kỳ 95.394 m³). Đồ nội thất bằng gỗ khác chưa được phân vào đầu ước đạt 10.765 chiếc, tăng 8,19% (cùng kỳ 9.950 chiếc). Điện thương phẩm ước đạt 2.121 triệu kwh, tăng 3,46% (cùng kỳ 2.050 kwh)... Riêng dự ước phi lê đông lạnh cả năm ước đạt 165.129 tấn, bằng 78,59% so cùng kỳ (cùng kỳ 210.114 tấn).

4.1. Buôn bán hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng

Ước cả năm 2017, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đạt 91.291 tỷ đồng, so kế hoạch đạt hơn 99% và tăng 12,82% so cùng kỳ năm trước, bao gồm: Doanh thu thương nghiệp đạt 64.509 tỷ đồng, tăng 13,23%; doanh thu dịch vụ khách sạn, nhà hàng đạt 18.620 tỷ đồng, tăng 12,27%; doanh thu du lịch lữ hành đạt 42 tỷ đồng, tăng 13,80%; doanh thu dịch vụ khác đạt 8.120 tỷ đồng, tăng 10,83%.

4.2. Vận tải, viễn thông

- *Giao thông vận tải*: Ước doanh thu hoạt động vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải cả năm 2017, đạt 4.310 tỷ đồng, tăng 7,87% so cùng kỳ; trong đó, đường bộ đạt 2.528 tỷ đồng, tăng 7,8%, đường sông đạt 1.580,7 tỷ đồng, tăng 8,22%; dịch vụ hỗ trợ vận tải đạt 202 tỷ đồng, tăng 6,31% so cùng kỳ.

- *Bưu chính - Viễn thông*: Ước đến cuối tháng 11 năm 2017 số thuê bao ước có trên mạng là 54.666 thuê bao, bằng 71% so với cùng kỳ năm 2016. Số máy điện thoại di động trả sau có trên mạng là 42.638 thuê bao, bằng 106% so với cùng kỳ năm 2016. Số thuê bao Internet có trên mạng đến cuối tháng 11 năm 2017 là 608.364 thuê bao, bằng 137,5% so với cùng kỳ năm 2016. Ước doanh thu từ dịch vụ viễn thông và bưu chính năm 2017 đạt khoảng 3.500 tỷ đồng.

4.3. Du lịch: Các cơ sở kinh doanh du lịch tiếp tục được đầu tư, nhiều loại hình dịch vụ phát triển đa dạng; công tác quản lý ở các khu, điểm tham quan du lịch ngày được cải thiện, hạn chế tình trạng chèo kéo du khách. Ước năm 2017 An Giang đón 7,3 triệu lượt khách tăng 12% so với cùng kỳ năm 2016, đạt 107% so với kế hoạch. Trong đó, số lượng khách thống kê tại các cơ sở kinh doanh du lịch ước đạt 600 nghìn lượt, đạt 100% kế hoạch, khách quốc tế ước đạt 70 nghìn lượt; Doanh thu từ hoạt động du lịch ước đạt 3.700 tỷ đồng, tăng 16% so với cùng kỳ.

Ngành du lịch tăng cường hướng dẫn, tuyên truyền các tổ chức, cá nhân thực hiện đúng quy định của ngành, góp phần đưa hoạt động tại các khu - điểm du lịch, cơ sở lưu trú du lịch, lữ hành đi vào nề nếp, tương đối ổn định. Các khu du lịch trọng điểm như Núi Sam, Núi Cấm, Trà Sư, Cù Lao Giêng tiếp tục được quan tâm đầu tư, quy hoạch phát triển; hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch phát triển cả về số lượng và chất lượng, số lượng cơ sở lưu trú được phân hạng từ 01 sao trở lên tăng so với năm trước. Đội ngũ lao động dần dần được chuẩn hóa chuyên môn từ các đơn vị quản lý nhà nước đến doanh nghiệp du lịch, đặc biệt quan tâm tuyên truyền nâng cao nhận thức của cộng đồng dân cư về hoạt động du lịch.

Hoạt động xúc tiến, quảng bá được tổ chức với nhiều hình thức phong phú đẩy mạnh công tác truyền thông, phát triển du lịch An Giang: phối hợp với Đài truyền hình, các cơ quan báo chí địa phương tăng số

lượng tin, bài, chuyên đề, phóng sự đa dạng thông tin tuyên truyền, đặc biệt nhấn mạnh vai trò của du lịch với sự phát triển kinh tế - xã hội; Xuất bản ấn phẩm quảng bá, xây dựng phim quảng bá du lịch phát trên các kênh truyền hình; tham dự các sự kiện hội chợ du lịch, hội chợ thương mại, liên hoan ẩm thực do các địa phương trong nước tổ chức. Đặc biệt trong tháng 5/2017, để tăng cường quảng bá du lịch, An Giang đã tổ chức Tháng Du lịch chủ đề “An Giang – Non nước hữu tình” với một chuỗi những sự kiện lớn như Lễ Khai mạc Tháng Du lịch An Giang, Tuần Văn hóa Ẩm thực và Du lịch, Chương trình khảo sát và Tọa đàm liên kết phát triển du lịch An Giang, Hội thảo “Phát triển và nâng cao chất lượng sản phẩm du lịch An Giang” cùng một số hoạt động hưởng ứng của thành phố Châu Đốc và các huyện, thị khác.

5. Đăng ký kinh doanh và thu hút đầu tư

- *Tình hình đăng ký doanh nghiệp:* Đến ngày 26/11/2017, toàn tỉnh có 715 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới, với tổng số vốn đăng ký là 3.386 tỷ đồng, về số lượng doanh nghiệp tăng 28,83% và về số vốn đăng ký tăng 38,97% so cùng kỳ. Bên cạnh đó, có 18 doanh nghiệp quay trở lại hoạt động, nâng tổng số doanh nghiệp đăng ký thành lập mới và doanh nghiệp quay trở lại hoạt động đến 26/11/2017 là 733 doanh nghiệp. Tổng số lượng doanh nghiệp giải thể và tạm ngừng hoạt động tính đến 26/11/2017 là 303 doanh nghiệp², trong đó có 130 doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể, tăng 16,07% so cùng kỳ và 173 doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động, tăng 30,08% so cùng kỳ. Tổng số doanh nghiệp đăng ký trên địa bàn An Giang tính đến thời điểm báo cáo là 8.517 doanh nghiệp, với tổng vốn đăng ký là 49.029 tỷ đồng.

- *Tình hình thu hút đầu tư:* Đến ngày 26/11/2017 đã thu hút 79 dự án (gồm: 03 dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài, 76 dự án đầu tư trong nước) với tổng vốn đăng ký là 14.361 tỷ đồng. So với cùng kỳ năm 2016 số dự án tăng 36,21% (tương đương tăng 21 dự án), tổng vốn đăng ký đầu tư tăng 82,04% (tương đương tăng 6.472 tỷ đồng), cụ thể như sau:

+ Đầu tư nước ngoài: Cấp mới Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư 03 dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài với tổng vốn đăng ký đầu tư 7.353.752 USD (tương đương 166,96 tỷ đồng)³. So cùng kỳ, số dự án được cấp mới

² Tỷ lệ doanh nghiệp giải thể so với doanh nghiệp thành lập đến ngày 26/11/2017 của tỉnh An Giang là 18,18%; Khu vực đồng bằng Sông Cửu Long là 20,68%; Cả nước là 8,72%.

³ Dự án “Xây dựng Trung tâm bảo dưỡng và bán lẻ ô tô” của Cty TNHH Toyota Cần Thơ với tổng vốn đăng ký đầu tư là 4.953.764 USD (tương đương 112,5 tỷ đồng); Dự án “Cty TNHH Binca” của Cty TNHH Binca Seafoods GMBH với tổng vốn đăng ký đầu tư là 197.345 USD (tương đương 4,46 tỷ đồng); Dự án “Nhà máy sản xuất và gia công cám gạo” của Cty TNHH Gia công cám gạo Honoroad Việt Nam với tổng vốn đăng ký đầu tư là 2.202.643 USD (tương đương 50 tỷ đồng). Cấp điều chỉnh: 06 dự án, trong đó có 01 dự án điều chỉnh tăng vốn với số vốn đầu tư điều chỉnh tăng thêm 40 triệu

tăng 02 dự án, số vốn tăng 7.331.280 USD (tương đương 166,46 tỷ đồng); Số dự án được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh tăng vốn bằng với cùng kỳ, nhưng số vốn đầu tư đăng ký điều chỉnh tăng 25.000.000 USD; Số dự án thu hồi giảm 02 dự án so với cùng kỳ. Lũy kế đến nay, toàn tỉnh hiện có 38 dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài còn hiệu lực (trong đó có 07 dự án thuộc Ban quản lý Khu Kinh tế quản lý), với tổng vốn đăng ký đầu tư 264.189.447 USD, tổng vốn thực hiện là 119.607.306 USD (chiếm 45,27% tổng vốn đầu tư đăng ký).

+ Đầu tư trong nước: Từ đầu năm đến nay, trên địa bàn tỉnh đã thu hút đầu tư được 76 dự án với tổng vốn đăng ký là 14.194 tỷ đồng, so với cùng kỳ năm 2016 số dự án tăng 33,33% (tương đương tăng 19 dự án), tổng vốn đăng ký đầu tư tăng 79,92% (tương đương tăng 6.305 tỷ đồng). Trong đó: Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư 69 dự án với tổng vốn đầu tư 12.228 tỷ đồng; Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư 06 dự án với tổng vốn đầu tư 2.626 tỷ đồng; Ban quản lý Kinh tế tỉnh cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư 01 dự án với tổng vốn đầu tư 350 tỷ đồng.

+ Tiến độ triển khai các dự án: Trong 79 dự án đăng ký đầu tư trong 11 tháng đầu năm 2017: số dự án chưa triển khai thực hiện 34 dự án với tổng vốn đăng ký đầu tư 10.049 tỷ đồng; Dự án đang triển khai thực hiện: 31 dự án tổng vốn đăng ký đầu tư 4.045 tỷ đồng (đã giải ngân 1.152 tỷ đồng); Dự án hoàn thành đưa vào hoạt động: 14 dự án tổng vốn đăng ký đầu tư 269 tỷ đồng (đã giải ngân 270 tỷ đồng).

6. Phát triển kinh tế tập thể:

Tính lũy kế đến nay, toàn tỉnh có 162 Hợp tác xã (HTX), trong đó có 02 Liên hiệp HTX, tăng 12,01% so với thời điểm năm 2013 và tăng 4,51% so thời điểm cuối năm 2016, trong đó: HTX lĩnh vực Nông nghiệp, thủy sản 115 HTX, 01 Liên hiệp HTX, chiếm tỷ lệ 70,98%; Quỹ tín dụng nhân dân (QTDND) 24 HTX, chiếm tỷ lệ 14,81%; HTX lĩnh vực Giao thông vận tải 17 HTX, chiếm tỷ lệ 10,49%; HTX lĩnh vực Tiểu thủ công nghiệp 03 HTX, chiếm tỷ lệ 1,85%; HTX lĩnh vực Du lịch 01 HTX, chiếm tỷ lệ 0,61%; HTX lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường 01 HTX, chiếm tỷ lệ 0,61%; HTX lĩnh vực Tài chính 01 HTX, chiếm tỷ lệ 0,61%.

Phần lớn các HTX tiếp tục hoạt động ổn định, phục vụ tốt cho thành viên và cộng đồng. Được sự quan tâm chỉ đạo của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh, một số HTX đã hình thành, thu hút thêm thành viên, vốn góp, người lao động; bảo đảm ổn định đầu vào, đầu ra cho thành viên; góp

USD, (cụ thể là Công ty TNHH An Giang Samho với số vốn đăng ký đầu tư ban đầu là 30 triệu USD, đến nay, tổng vốn đăng ký đầu tư là 70 triệu USD). Chấm dứt hoạt động 01 dự án "Cty TNHH Xuất nhập Băng Việt" của Cty TNHH Xuất nhập khẩu Băng Việt với số vốn đăng ký đầu tư là 14.285 USD.

phần gây dựng vị trí, vai trò cả HTX trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; Đa số HTX hoạt động dịch vụ có lãi, chia lợi nhuận cho thành viên, có tích lũy để mở rộng sản xuất, kinh doanh; góp phần giải quyết lao động địa phương; đóng góp tích cực vào các chính sách an sinh xã hội; tham gia xây dựng nông thôn mới.

7. Xuất - nhập khẩu

7.1. Xuất khẩu: Ước kim ngạch hàng hoá xuất khẩu đạt 820 triệu USD, so kế hoạch đạt 100% và so cùng kỳ tăng khoảng 17%. Một số mặt hàng xuất chủ yếu:

- *Gạo:* Ước xuất đạt 450 ngàn tấn, tương đương 204 triệu USD, so cùng kỳ đạt 113,92% về lượng và đạt 115,90% về kim ngạch và so kế hoạch đạt 83,33% về lượng, đạt 85% về kim ngạch. Về thị trường, xuất trực tiếp qua 56 nước (15 nước Châu Á, 10 nước Châu Âu, 15 nước Châu Phi, 4 nước Châu Mỹ, 12 nước Châu Đại Dương) tăng 9 nước so với cùng kỳ. Tình hình xuất khẩu gạo sau thời gian dài trầm lắng và trong xu hướng liên tục giảm sút thì trong những tháng gần đây, giá lúa gạo trên thị trường biến động tăng, do lượng hợp đồng đăng ký xuất khá cao và ở mức giá xuất tăng so với trước. Những tháng cuối năm, xuất khẩu gạo sẽ tăng về số lượng và giá trị nhờ tăng trưởng xuất khẩu tại các thị trường Trung Quốc, Philippin,... theo cả hợp đồng tập trung và hợp đồng thương mại.

- *Thủy sản:* Ước xuất đạt 130 ngàn tấn, tương đương 265 triệu USD, so cùng kỳ đạt 96,90% về lượng và đạt 110,64% về kim ngạch và so kế hoạch đạt 96,29% về lượng, đạt 98,14% về kim ngạch. Về thị trường, xuất khẩu trực tiếp qua 76 nước (31 nước Châu Á, 21 nước Châu Âu, 17 nước Châu Mỹ, 03 nước Châu Đại Dương và 4 nước Châu Phi). Sau thời gian giá cá nguyên liệu tăng liên tục và đứng ở mức cao do nguồn nguyên liệu khan hiếm. Hiện nay, tình hình xuất khẩu sang các thị trường lớn đang gặp khó khăn, vì vậy thời gian tới, giá cá tra rất khó có sự đột biến.

- *Rau quả:* Ước xuất đạt 9 triệu sản phẩm, tương đương 14 triệu USD, so cùng kỳ đạt 102,15% về lượng và đạt 101,99% về kim ngạch và so kế hoạch đạt 69,23% về lượng, đạt 107,69% về kim ngạch. Về thị trường, xuất qua 23 nước (6 nước Châu Á, 11 nước Châu Âu, 4 nước Châu Mỹ và 2 nước Châu Đại Dương) tăng 3 nước so cùng kỳ. Rau quả đông lạnh tiếp tục gặp khó khăn do một số đơn hàng khách hàng chưa có nhu cầu nhận hàng, cùng với việc gia tăng hàng rào kỹ thuật đối với các sản phẩm rau quả tại các nước; đồng thời, với việc cạnh tranh cạnh tranh giữa các doanh nghiệp kinh doanh cùng loại hàng đã ảnh hưởng không nhỏ đến kim ngạch xuất khẩu của các doanh nghiệp.

- *Hàng may mặc:* Ước xuất đạt 19 triệu sản phẩm, tương đương 100 triệu USD, so cùng kỳ đạt 101,95% về lượng và đạt 106,02% về kim ngạch và so kế hoạch đạt 90,47% về lượng, đạt 105,26% về kim ngạch.

- *Hàng hóa khác*: xuất đạt 237 triệu USD, đạt 119,7% so kế hoạch. Trong đó, giày dép 10 triệu USD; phân bón, thuốc trừ sâu đạt 20 triệu USD; sắt thép 10 triệu USD; bánh kẹo 5 triệu USD; thuốc lá gói 7 triệu USD.

7.2. Nhập khẩu: Ước đạt 145 triệu USD, tăng 11,5% so với cùng kỳ và đạt 100% so kế hoạch.

8. Tài chính – Ngân hàng

- *Tài chính*: Tổng thu ngân sách từ kinh tế địa bàn ước năm 2017 đạt 5.780 tỷ đồng, đạt 108,34% so dự toán năm, bằng 113,06% so với cùng kỳ. Trong đó, thu thuế xuất nhập khẩu, tiêu thụ đặc biệt và thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu 150 tỷ đồng, đạt 142,86% so dự toán năm, bằng 113,09% so cùng kỳ; thu nội địa 5.630 tỷ đồng, đạt 107,65% so dự toán năm, bằng 114,07% so cùng kỳ. Chi ngân sách địa phương ước thực hiện năm 2017 là 11.715 tỷ đồng, đạt 99,81% so dự toán năm, bằng 106,73% so cùng kỳ. Trong đó, chi đầu tư phát triển 3.391 tỷ đồng, đạt 96,3% so dự toán năm, bằng 109,19% so cùng kỳ; chi thường xuyên 8.323 tỷ đồng, đạt 104,07% so dự toán năm, bằng 105,75% so cùng kỳ.

- *Ngân hàng*: Tổng số dư vốn huy động ước thực hiện đến cuối tháng 10/2017 là 40.341 tỷ đồng, so cuối năm 2016 tăng 10,24%; trong đó huy động trên 12 tháng 16.206 tỷ đồng, chiếm 40,17%/tổng số dư vốn huy động. Tổng dư nợ ước thực hiện đến cuối tháng 10/2017 là 59.621 tỷ đồng, so với cuối năm 2016 tăng 5,9%. Trong đó: Dư nợ ngắn hạn là 40.243 tỷ đồng chiếm 67,5%. Dư nợ trung, dài hạn là 19.378 tỷ đồng chiếm 32,5%. Nợ xấu 1.343 tỷ đồng, chiếm 2,25%/tổng dư nợ, so với 31/12/2016 tăng 202 tỷ đồng.

Kết quả thực hiện một số chủ trương chính sách:

+ *Cho vay phục vụ sản xuất, thu mua lúa gạo xuất khẩu và tiêu dùng trong nước*: Các tổ chức tín dụng (TCTD) đã triển khai, thực hiện kế hoạch giải ngân vốn đầu tư đối với các doanh nghiệp thu mua lương thực. Dư nợ đến cuối tháng 10/2017 là 5.923 tỷ đồng, tăng 11,34% so cuối năm 2016;

+ *Cho vay nuôi trồng, thu mua và chế biến thủy sản xuất khẩu*: (i) Hộ nuôi trồng thủy sản: Dư nợ đến cuối tháng 10/2017 là 1.931 tỷ đồng, so với 31/12/2016 giảm (giảm 8%) tương đương (giảm 168 tỷ đồng), (trong đó cá tra 855 tỷ đồng, chiếm 44,3%/tổng dư nợ cho vay nuôi trồng thủy sản) tương đương với 3.921 hộ (trong đó cá tra là 780 hộ); (ii) Doanh nghiệp thu mua chế biến thủy sản: Dư nợ đến cuối tháng 10/2017 là 2.332 tỷ đồng, so với 31/12/2016 (giảm 33,48%), tương đương (giảm 1174 tỷ đồng).

+ *Cho vay hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp*: Đến cuối tháng 10/2017, tổng doanh số cho vay là 186 tỷ đồng; dư nợ là 602 tỷ

đồng, so với 31/12/2016 tăng 1,04%, số khách hàng còn dư nợ là 1.555 khách hàng. Trong đó, tập trung một số máy móc cơ giới hóa chủ yếu như: Máy kéo, máy làm đất, san phẳng đồng ruộng, máy thu hoạch lúa...

+ Cho vay thí điểm phục vụ phát triển nông nghiệp theo Nghị quyết số 14/NQ-CP ngày 05/3/2014 của Chính phủ: Đến cuối tháng 10/2017, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Agribank) - Chi nhánh An Giang dư nợ cho vay 293 tỷ đồng cho mặt hàng cá tra và rau quả xuất khẩu.

+ Cho vay hỗ trợ nhà ở theo Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 07/01/2013 của Chính phủ: Đến cuối tháng 10/2017, các TCTD trên địa bàn đã giải ngân đầu tư với tổng dư nợ là 394 tỷ đồng, tổng số hộ vay là 685 khách hàng.

+ Cho vay xây dựng nông thôn mới theo Công văn 771/ANG-THKS ngày 09/9/2016 của NHNN Chi nhánh tỉnh An Giang: Đến cuối Quý III/2017, dư nợ 13.535 tỷ đồng, tăng 6,53% so cuối năm 2016.

+ Cho vay doanh nghiệp nhỏ và vừa theo Công văn 62/NHNN-TD ngày 04/01/2017 của NHNN Việt Nam: Đến cuối Quý III/2017, dư nợ 11.307 tỷ đồng, tăng 5,58% so cuối năm 2016.

II. Lĩnh vực Văn hóa - Xã hội

1. Giáo dục Đào tạo

Tiếp tục thực hiện Chương trình hành động số 05 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết 29-NQ/TW Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về “Đổi mới căn bản, toàn diện GDĐT, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”.

Kỳ thi THPT quốc gia 2017, toàn tỉnh có 13.254 thí sinh đỗ tốt nghiệp, đạt tỷ lệ 98,67%. Kết quả học sinh trúng tuyển vào các trường ĐH, CĐ năm 2017 (đợt 1) 7.110/12.620 dự thi, tỷ lệ 56,34% (so năm 2016: 5.334/10.919, tỷ lệ 48,85%). Công tác tuyển sinh 10 năm học 2017-2018, tổng số trúng tuyển: 16.465 (chuyên 512, đại trà 15.953), tỷ lệ 89,02% so chỉ tiêu. Trường Đại học An Giang đã tổ chức lễ tốt nghiệp năm học 2017 cho 2.233 sinh viên hệ đào tạo chính quy của Trường; trong đó, có 173 sinh viên tốt nghiệp loại xuất sắc ở các khoa; đồng thời, Trường cũng đã tổ chức lễ khai giảng năm học mới 2018-2019 với 2.560 sinh viên ở các ngành học.

Niên học 2017-2018, toàn tỉnh huy động được 440.340 em học sinh cả ba cấp; hầu hết các trường đã chuẩn bị đầy đủ trang thiết bị, cải tạo cảnh quan trường học đã được quan tâm và cải thiện đáng kể; trang thiết bị dạy học, sách giáo khoa, sách giáo viên đã được chuẩn bị đầy đủ đáp ứng yêu cầu của việc dạy và học trong năm học mới này.

2. Y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân

Công tác phòng, chống dịch bệnh và chăm sóc sức khỏe cho nhân dân tiếp tục được tăng cường; thường xuyên giám sát dịch tễ, phát hiện sớm những ca bệnh và ngăn chặn kịp thời không cho dịch lớn xảy ra. Tính đến thời điểm báo cáo, toàn tỉnh có 4.494 ca mắc sốt xuất huyết, tăng 65,04% so cùng kỳ; 2.925 ca mắc tay chân miệng, tăng 54,76% so với cùng kỳ (không có tử vong). Phát hiện HIV mới là 226 ca, giảm 57 ca (giảm 20,14%), số bệnh nhân AIDS là 113 ca, giảm 82 ca (giảm 42,05%), số tử vong là 64 ca, giảm 09 ca (giảm 12,33%) so với cùng kỳ năm 2016.

Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các sở, ngành liên quan chấn chỉnh công tác vệ sinh an toàn thực phẩm, tăng cường kiểm tra các cơ sở sản xuất hàng hóa bị thông tin báo chí phản ánh trong thời gian qua như nước đá nhiễm khuẩn, khô, mắm bị nhiễm chất cấm... Tiếp tục triển khai Kế hoạch xây dựng hệ thống cửa hàng nông sản an toàn, chợ nông sản an toàn trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2016- 2020; hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng cửa hàng bán nông sản an toàn tại các huyện Phú Tân, Thoại Sơn và thị xã Tân Châu.

3. Lao động thương binh - xã hội

Tính đến thời điểm báo cáo toàn tỉnh đã tuyển sinh đào tạo nghề nghiệp được 20.125 người, đạt 80,5% kế hoạch năm (đào tạo nghề cho lao động nông thôn cho 9.072 học viên; Hợp đồng đào tạo nghề theo đơn đặt hàng cho 1.190 học viên). Ước cả năm năm 2017, toàn tỉnh tuyển sinh đào tạo nghề nghiệp 25.000 người, đạt 100% kế hoạch năm; nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề nghiệp từ 38,8% năm 2016 lên 42,5% năm 2017.

Giải quyết việc làm cho trên 27.365 lao động, đạt 91% so với kế hoạch (kế hoạch 299.920 lao động). Trong đó: lao động trong tỉnh 19.823 người, ngoài tỉnh 6.576 người; Quỹ Quốc gia về việc làm 853 lao động; xuất khẩu lao động 115 người (thông qua Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh 44 lao động) tại các thị trường: Nhật Bản 51 lao động, Đài Loan 44 lao động, Hàn Quốc 19 lao động, Á Rập 1 lao động. Trợ cấp thất nghiệp cho 10.519 trường hợp, với tổng kinh phí chi trả 104.453 triệu đồng. Dự kiến đến cuối năm, sẽ giải quyết việc làm cho trên 30.000 lao động, đạt 100% so với kế hoạch đề ra.

Các ngành, các cấp đã tổ chức và thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, các dự án, chương trình giảm nghèo trên địa bàn tỉnh; các chính sách hỗ trợ về tín dụng, giáo dục, y tế... cho người nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội tiếp tục được quan tâm thực hiện; từ đầu năm đến nay đã giải ngân cho trên 22.232 hộ vay, với số tiền trên 531,7 tỷ đồng. Khám chữa bệnh cho người nghèo 13.168 lượt người, kinh phí trên 8,1 tỷ đồng; khám chữa bệnh miễn phí cho trẻ dưới 6 tuổi 9.340 lượt trẻ, kinh phí trên 4,3 tỷ đồng.

4. Văn hoá - Thể thao

Tổ chức nhiều hoạt động văn hóa, thể dục thể thao chào mừng các ngày kỷ niệm các ngày lễ lớn của đất nước thu hút được sự quan tâm, hưởng ứng của nhân dân; công tác tuyên truyền nhiệm vụ chính trị về tiếp tục thực hiện cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”. Tổ chức tốt các lễ hội: Lễ hội cấp quốc gia Vía Bà Chúa Xứ Núi Sam năm 2017, Lễ hội đua bò Bảy Núi lần 24 năm 2017.

Thể thao phong trào được tổ chức rộng khắp, tạo không khí vui tươi phấn khởi trong nhân dân; Thể thao đạt thành tích cao tham dự các giải thể thao vô địch quốc gia, vô địch trẻ quốc gia, giải khu vực, giải cúp trong hệ thống thi đấu quốc gia và các giải quốc tế khác. Tham dự SEA Games 29 năm 2017 tại Malaysia các môn Xe đạp, Bơi lội, Điền kinh, Pencak Silat, Taekwondo: Kết quả đoạt 03 HCV – 05 HCB, VĐV trong đó có Nguyễn Hữu Kim Sơn (Môn Bơi lội) phá kỷ lục SeaGame.

5. Khoa học - Công nghệ

Tập trung thực hiện Chương trình hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2016-2020; Kế hoạch nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa của doanh nghiệp vừa và nhỏ giai đoạn 2016-2020; Kế hoạch xây dựng nhãn hiệu chứng nhận An Giang cho các sản phẩm nông nghiệp tỉnh An Giang giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn đến năm 2030; Chương trình phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2016-2020.

Ngành khoa học và công nghệ đã tổ chức triển khai thực hiện 199 nhiệm vụ khoa học và công nghệ (gồm: 07 chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm của tỉnh, 94 đề tài, dự án cấp tỉnh và 98 đề tài cấp cơ sở) nhằm tăng cường ứng dụng các mô hình dịch vụ và công nghệ sản xuất liên quan đến cơ giới hóa, tự động hóa, trong sản xuất nông nghiệp giúp giảm tiêu hao nguyên vật liệu, năng lượng đầu vào, giảm thất thoát sau thu hoạch, giảm sử dụng phân bón, thuốc trừ sâu bệnh hóa học, giảm chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm và tạo sản phẩm an toàn, chất lượng, sản xuất hiệu quả hơn và tăng thu nhập cho nông dân.

6. Tài nguyên - Môi trường

Chủ động tiếp xúc hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện các nhu cầu liên quan trong lĩnh vực ngành; tiếp xúc, xử lý vướng mắc 95 vụ việc cho doanh nghiệp và hỗ trợ cho 75 doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính về tài nguyên và môi trường, đặc biệt là lĩnh vực đất đai.

Công tác xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được quan tâm: Đối với dự án Đóng cửa, xử lý ô nhiễm môi trường các bãi rác thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh, UBND tỉnh đã phê duyệt dự án điều chỉnh và tiếp tục thực hiện đóng lấp giai đoạn 01 (Bãi rác An Phú và bãi rác Cái Dầu đã cơ bản hoàn thành việc đóng lấp; bãi rác Phú Mỹ đóng

lắp đặt 70%, dự kiến hoàn thành trong 2017), đang lập điều chỉnh dự án giai đoạn 2; đối với dự án đầu tư xử lý chất thải 06 bệnh viện trên địa bàn tỉnh đang thi công theo kế hoạch được duyệt, khối lượng đạt trên 90% và sẽ hoàn thành trong năm 2017.

Chủ động phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu, Tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 567/KH-UBND ngày 09/10/2017 về khung mục tiêu, nhiệm vụ và danh mục dự án ứng phó với biến đổi khí hậu tỉnh An Giang giai đoạn 2017 – 2020; kịp thời quan trắc cảnh báo, phòng chống sạt lở hiệu quả, không thiệt hại về người, từ đầu năm đến nay toàn tỉnh đã xảy ra 35 điểm sạt lở đất bờ sông, kênh, rạch (trong đó An Phú: 12 điểm, Chợ Mới: 07 điểm, Tân Châu: 09 điểm, Phú Tân: 06 điểm, Châu Phú 01 điểm) với chiều dài sạt lở 3.220 m, làm mất 22.432 m² đất và ảnh hưởng đến 235 căn nhà (trong đó có 20 căn nhà đã sụp hoàn toàn xuống sông, 10 căn bị sụp một phần) cùng với nhiều tài sản và các công trình hạ tầng khác bị ảnh hưởng (trong đó có nhiều tuyến đường giao thông nông thôn bị sạt lở, ảnh hưởng đến việc đi lại và vận chuyển của người dân), ước tổng thiệt hại khoảng 94 tỷ đồng. Các địa phương đã di dời khẩn cấp 155 căn nhà, phải vận động di dời thêm 60 căn của các hộ vùng lân cận có nguy cơ tiếp tục xảy ra sạt lở.

III. Lĩnh vực nội chính và quản lý nhà nước

1. Công tác tư pháp

Hoạt động tư pháp tập trung kế hoạch kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật năm 2017, triển khai các quy định mới của ngành. Chương trình xây dựng văn bản QPPL năm 2017 của tỉnh gồm 63 văn bản, đến nay đã ban hành 66 văn bản, đạt 104% so kế hoạch.

Hoạt động công chứng, chứng thực ở các cấp nhìn chung được thực hiện tốt, giải quyết nhanh chóng các yêu cầu của tổ chức và công dân; công tác hộ tịch, quốc tịch, lý lịch tư pháp được thực hiện đúng quy định.

Thực hiện Nghị định 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định chuyển phòng Kiểm soát thủ tục hành chính thuộc Sở Tư pháp về trực thuộc Văn phòng UBND tỉnh.

2. Công tác cải cách hành chính

Công tác cải cách hành chính được các ngành, các cấp quan tâm, UBND ban hành Kế hoạch cải cách hành chính năm 2017 với 42 đầu công việc trọng tâm đều trên 06 lĩnh vực. Tổ chức bộ máy, tiếp tục thẩm định, ban hành các quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các sở, ngành cấp tỉnh; thành lập một số đơn vị sự nghiệp, kiện toàn sắp xếp các hội, Ban chỉ đạo. Đã ban hành Quyết định phân bổ tổng biên

chế công chức tỉnh An Giang năm 2017, tổ chức thi tuyển công chức, thi nâng ngạch từ cán sự lên ngạch chuyên viên; phối hợp Bộ Nội vụ thi nâng ngạch từ chuyên viên lên ngạch chuyên viên chính...

Các hoạt động kiểm tra cải cách hành chính được thực hiện thường xuyên, qua đó đã kịp thời phát hiện những hạn chế, khuyết điểm, từ đó nâng cao hiệu quả hoạt động cải cách hành chính của đơn vị và nhất là việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính cho các cá nhân, tổ chức.

Chỉ số năng lực cạnh tranh (PCI) năm 2016 của tỉnh tăng 01 bậc so năm 2015, đạt 57,79 điểm (tăng 0,18 điểm), xếp thứ 38/63 tỉnh, thành phố và thuộc nhóm điều hành “khá”; đứng thứ 9/13 tỉnh trong khu vực đồng bằng sông Cửu Long. Riêng chỉ số Cải cách hành chính (PAR INDEX) năm 2016 của tỉnh giảm 04 bậc từ hạng 31/63 tỉnh, thành năm 2015 xuống 35/63 tỉnh, thành.

3. Công tác Thanh tra - phòng chống tham nhũng

Đến ngày báo cáo, ngành Thanh tra tiến hành 64 cuộc thanh tra (47 cuộc triển khai mới), gồm 47 cuộc thực hiện theo kế hoạch và 17 cuộc đột xuất. Đã kết thúc 43 cuộc và ban hành 28 kết luận, qua đó phát hiện 30/87 đơn vị sai phạm với số tiền trên 2,5 tỷ đồng và 74.408m² đất, kiến nghị thu hồi 1,9 tỷ đồng và 74.408m² đất. Kiến nghị kiểm điểm trách nhiệm 11 tổ chức và 32 cá nhân, chuyển cơ quan điều tra 01 vụ.

Toàn tỉnh tổ chức tiếp 6.707 lượt người và 23 đoàn với 139 lượt người đến trình bày khiếu kiện, khiếu nại chủ yếu về tranh chấp đất đai, chế độ chính sách, tài sản (tăng 16,7% so cùng kỳ 2016); tiếp nhận 2.008 đơn khiếu nại tố cáo (tăng 30,4% so cùng kỳ); trong đó 1.607 đơn không thuộc thẩm quyền. Kết quả xử lý 401 đơn khiếu nại thuộc thẩm quyền (27 đơn tố cáo, 374 đơn khiếu nại).

Nhằm giải quyết các vụ việc khiếu nại, khiếu kiện kéo dài (42 vụ có kết luận của Trung ương), Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Quyết định số 191-QĐ/TU thành lập Ban Chỉ đạo giải quyết các vụ khiếu nại, tố cáo tồn đọng, phức tạp trên địa bàn tỉnh do Phó bí Thư Thường trực Tỉnh ủy làm Trưởng ban. Đến nay đã giải quyết dứt điểm 13 vụ việc, trong đó có 06 vụ theo báo cáo của Thanh tra Chính phủ; UBND tỉnh đã tổ chức đối thoại 11 vụ, đã giao cho các cơ quan liên quan tham mưu để giải quyết dứt điểm.

4. An ninh, quốc phòng, trật tự và an toàn xã hội

Các lực lượng làm nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu, bảo vệ các địa bàn, mục tiêu trọng yếu được thực hiện nghiêm; tổ chức thực hiện tốt công tác nắm tình hình, quản lý chặt các đối tượng, đề xuất giải quyết kịp thời các

vụ tranh chấp, khiếu kiện đông người; triển khai đồng bộ các biện pháp tấn công, trấn áp tội phạm và đảm bảo an ninh trật tự nhất là tuyến biên giới. Tổ chức thành công diễn tập phòng thủ khu vực ở các huyện theo kế hoạch của năm 2017.

Phạm pháp hình được kiềm chế, kéo giảm 15,04% (339/399 vụ) so cùng kỳ 2016, trong đó án nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng giảm 30% (42/60 vụ). Tuy nhiên, tội phạm trộm tài sản vẫn còn phổ biến trong tổng số các vụ phạm pháp hình sự, hoạt động của các băng nhóm có xu hướng manh nha trở lại (11 băng liên quan đến 133 đối tượng). Phát hiện, bắt giữ 1.257 vụ buôn lậu, giảm 27,8% so cùng kỳ, tổng trị giá hàng hóa thu giữ khoảng 25,4 tỷ đồng, tăng 16% so cùng kỳ. Xảy ra 95 vụ tai nạn giao thông, làm 97 người chết, tương đương về số vụ và số người chết so cùng kỳ 2016.

Hoạt động tội phạm ma túy diễn biến phức tạp, số vụ bắt giữ tăng 24,14% (108/87 vụ) so cùng kỳ năm 2016, trong đó có vụ bắt 05 kg methamphetamine vận chuyển qua biên giới Việt nam - Campuchia; số người nghiện phát hiện tăng 926 người so với đầu năm 2017, hiện số người nghiện có hồ sơ trên địa bàn tỉnh là 4.262 người.

5. Công tác ngoại vụ

Tiếp tục duy trì và tăng cường mối quan hệ đối ngoại với các Tổng lãnh sự quán các nước tại TP. Hồ Chí Minh, các tổ chức quốc tế của các nước. Tổ chức xúc tiến thương mại tại Campuchia, Malaysia... Ký biên bản thỏa thuận với Tỉnh Takeo, Kandal – Campuchia hợp tác trên nhiều lĩnh vực nông nghiệp, Y tế, kinh tế biên mậu,... Tham dự tọa đàm “gặp gỡ Hoa Kỳ” do Bộ Ngoại giao tổ chức; mở rộng hợp tác với Isreal, Tỉnh Nara Nhật Bản.

Tổ chức họp định kỳ với hai tỉnh giáp biên Kandal và Takeo – Vương quốc Campuchia, đánh giá kết quả hợp tác 6 tháng đầu năm 2017 và kế hoạch hợp tác 6 tháng đầu năm 2017; cùng với Chính phủ phối hợp khánh thành cầu Long Bình - Chrey Thom nối liền hai tỉnh An Giang và Kandal.

Đến ngày báo cáo đã có 286 đoàn ra (579 người) xuất cảnh đến các nước Campuchia, Anh, Thái Lan, Úc, Hàn Quốc, Nhật Bản... với mục đích tập huấn, ký kết Bản ghi nhớ và thảo luận về kế hoạch hợp tác trong tương lai. Đồng thời, có 169 đoàn vào (290 người) đến từ các nước Đức, Nhật Bản, Úc, Thái Lan, Canada, Trung Quốc,... với mục đích chào xã giao lãnh đạo UBND tỉnh; làm việc với các sở, ngành liên quan và triển khai thực hiện hoạt động trong khuôn khổ các dự án đã được phê duyệt.

6. Công tác chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh

Năm 2017, xác định là năm then chốt của kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm 2016-2020, ngay từ đầu năm UBND tỉnh xây dựng Chương trình công tác năm 2017 bám sát các nhiệm vụ, nhóm giải pháp theo Nghị quyết số 01/NQ-CP của Chính phủ về những giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2017 và các Nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh. Trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ, tỉnh gặp nhiều khó khăn, thách thức chưa xác với dự báo đầu, UBND tỉnh đã kịp thời điều chỉnh và bổ sung các giải pháp phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, góp phần ổn định, phát triển kinh tế. Một số nội dung cụ thể:

Tiếp và làm việc với đoàn công tác của các Bộ, ngành Trung ương: Đoàn công tác của Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc dự Hội nghị về lúa gạo vùng ĐBSCL, Phó Thủ tướng Chính phủ Trương Hòa Bình về công tác phòng chống buôn lậu, Phó Thủ tướng Chính phủ Trịnh Đình Dũng chỉ đạo công tác phòng chống sạt lở...; tổ chức các đoàn công tác làm việc Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Xây dựng, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Khoa học và Công nghệ... giải quyết những kiến nghị của địa phương.

Chuẩn bị đầy đủ, kịp thời và chất lượng những nội dung phục vụ chương trình làm việc của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh; ban hành đầy đủ các văn bản, quyết định thực hiện Nghị quyết tại kỳ họp lần V của Hội đồng nhân dân tỉnh; tham mưu Tỉnh ủy ban hành kịp thời các kế hoạch thực hiện các chủ trương lớn của Trung ương, các Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, của Chính phủ.

Thực hiện chủ trương hỗ trợ doanh nghiệp phát triển, Ủy ban nhân dân tỉnh chọn năm 2017 là "Năm doanh nghiệp"; tập trung thực hiện Nghị quyết 35/NQ-CP của Chính phủ về nhiệm vụ và giải pháp hỗ trợ phát triển doanh nghiệp đến năm 2020 trên địa bàn tỉnh, Chương trình hành động của UBND tỉnh về nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh (PCI) của tỉnh giai đoạn 2016-2020. Về kết quả thực hiện:

(i) Tính đến nay đã xử lý 779.249 hồ sơ của doanh nghiệp và người dân (trong đó chỉ có 91 hồ sơ trễ hạn chiếm 0,012%); Tổ chức 01 cuộc đối thoại cấp tỉnh với doanh nghiệp, nhà đầu tư, giải quyết kịp thời 100% kiến nghị của doanh nghiệp; Duy trì Chương trình hoạt động "Cà phê doanh nhân" nhằm tạo cơ hội tiếp xúc, không có khoảng cách giữa doanh nghiệp với chính quyền địa phương; Ban hành Quy chế tiếp nhận, xử lý và trả lời phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp trên cổng thông tin điện tử tỉnh An Giang; Tổ chức 03 buổi làm việc, báo cáo, cũng như trao đổi với Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ,

Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam tại Hà Nội về tình hình triển khai thực hiện nhiệm vụ, giải pháp cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh, hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp; từ đó đề ra các nội dung trọng tâm cần thực hiện trong thời gian tới.

(ii) Số lượng doanh nghiệp tăng 28,83% và về số vốn đăng ký tăng 38,97% so cùng kỳ; đã thu hút 79 dự án (tăng 36,21%) với tổng vốn đăng ký là 14.361 tỷ đồng (tăng 82,04%).

(iii) Ban hành Đề án số 338/ĐA-UBND ngày 07/6/2017 về tạo quỹ đất phục vụ phát triển kinh tế - xã hội tỉnh An Giang; sửa đổi, bổ sung quy định bảng giá đất áp dụng giai đoạn 2015-2019 theo hướng điều chỉnh giảm đất thương mại, dịch vụ tại đô thị và nông thôn; bổ sung 02 nhiệm vụ này cho Quỹ Bảo vệ môi trường và Quỹ Bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh thực hiện hỗ trợ cho các đối tượng cá nhân, hộ gia đình, tổ hợp tác... theo Quyết định số 98/2016/QĐ-UBND ngày 22/12/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về quy định chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.

(iv) Tổ chức Hội nghị triển khai Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017 trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố (1.007 lượt đại biểu tham dự). Triển khai Quy chế liên kết đăng ký tài khoản cho doanh nghiệp cùng thời điểm đăng ký thành lập doanh nghiệp, để thực hiện kê khai thuế điện tử (200 doanh nghiệp thực hiện); Hợp tác “tặng phần mềm kế toán cho doanh nghiệp mới thành lập trong năm 2017 - 2018” (59 doanh nghiệp được nhận).

Ngoài ra, Ủy ban nhân dân tỉnh tập trung triển khai các hoạt động mừng Đảng, mừng Xuân Đinh Dậu 2017; đôn đốc triển khai thực hiện các nhiệm vụ sau Tết Nguyên đán; tập trung công tác sản xuất nông nghiệp theo mô hình ứng dụng công nghệ cao; công tác xây dựng nông thôn mới; chỉ đạo tập trung công tác phòng chống và khắc phục sạt lở. Quan tâm chỉ đạo công tác phòng chống dịch bệnh trên gia súc, gia cầm, dịch bệnh sốt xuất huyết, tay chân miệng trên người; công tác đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, an toàn giao thông. Tập trung thực hiện đồng bộ các chính sách, giải pháp nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người dân. Chú trọng nâng cao hiệu quả công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm, giảm nghèo bền vững, triển khai Đề án xuất khẩu lao động sang thị trường có thu nhập cao.

Trong năm, Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức 426 cuộc họp, hội nghị và làm việc với các cơ quan, đơn vị để kiểm điểm công tác chỉ đạo điều hành và triển khai nhiệm vụ, chương trình công tác; tổ chức hơn 30 cuộc kiểm tra, khảo sát thực tế cơ sở và doanh nghiệp, 11 cuộc làm việc các huyện - thị về thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Ủy

ban nhân dân tỉnh ban hành 4.667 văn bản chỉ đạo, trong đó, 1.744 công văn, 29.23 quyết định. Văn phòng UBND tỉnh ban hành 4.271 văn bản truyền đạt ý kiến của Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo trên các lĩnh vực.

7. Công tác phối hợp Thường trực và các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên

Thực hiện Quy chế phối hợp, Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh tham dự đầy đủ các cuộc họp do Hội đồng nhân dân tỉnh và Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh tổ chức; chủ động phối hợp trong công tác chuẩn bị phục vụ các kỳ họp HĐND tỉnh khóa IX, nhiệm kỳ 2016-2021; quan tâm chỉ đạo nâng cao chất lượng nội dung các văn bản trình Hội đồng nhân dân tỉnh, các báo cáo chuyên đề phục vụ công tác giám sát của Thường trực và các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh.

Phối hợp trong việc lấy ý kiến nhân dân, tích cực tham gia công tác phản biện xã hội đối với những quyết định lớn của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh. Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn giải quyết kịp thời những vấn đề bức xúc của nhân dân, những kiến nghị chính đáng của cử tri trước và sau các kỳ họp lần thứ 3, thứ 5 HĐND tỉnh, họp tổ đại biểu và ý kiến phản ánh của các tổ chức đoàn thể, mặt trận; khắc phục kịp thời những hạn chế, tồn tại qua kết quả giám sát của Thường trực và các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh.

Tăng cường phối hợp với Ủy ban MTTQ, các hội, đoàn thể các cấp tuyên truyền, vận động các tầng lớp nhân dân tổ chức thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới, phòng chống sạt lở, khai thác cát, công tác giải quyết khiếu nại tố cáo...

IV. Nhận xét, đánh giá:

Mặc dù, tốc độ tăng trưởng kinh tế năm 2017 tăng 5,11% không đạt so kế hoạch đề ra (6,7%), nhưng tốc độ tăng trưởng kinh tế năm 2017 cao hơn mức tăng của năm 2015 và 2016 (năm 2015 tăng 5,04%; năm 2016 tăng 4,47%), một số kết quả có chuyển biến hơn so cùng kỳ:

(1) Thủy sản có dấu hiệu tốt: Giá cá tra nguyên liệu tiếp tục tăng, tăng từ 1 - 2 ngàn đồng/kg so tháng 9/2017. Lợi nhuận (2 - 2,5 ngàn đồng/kg) nên nhiều hộ đã thả nuôi lại, diện tích có phần tăng lên.

(2) Du lịch: Ước năm 2017 An Giang đón 7,3 triệu lượt khách tăng 12% so với cùng kỳ năm 2016, đạt 107% so với kế hoạch.

(3) Xuất khẩu: Ước kim ngạch hàng hoá xuất khẩu đạt 820 triệu USD, so kế hoạch đạt 100% và so cùng kỳ tăng khoảng 17%.

(4) Tình hình đăng ký doanh nghiệp: Ước năm 2017 có 800 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới, với tổng số vốn đăng ký là 3.800 tỷ đồng, về số lượng doanh nghiệp tăng 30,29%, về vốn đăng ký tăng 35,07% so cùng kỳ.

(5) Tình hình thu hút đầu tư: Đến ngày 26/11/2017 đã thu hút 79 dự án (gồm: 03 dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài, 76 dự án đầu tư trong nước) với tổng vốn đăng ký là 14.361 tỷ đồng. So với cùng kỳ năm 2016 số dự án tăng 36,21% (tương đương tăng 21 dự án), tổng vốn đăng ký đầu tư tăng 82,04% (tương đương tăng 6.472 tỷ đồng).

Bên cạnh một số kết quả nêu trên, vẫn còn một số tồn tại hạn chế như:

(1) Tốc độ tăng trưởng kinh tế tăng 5,11% năm nay có cao hơn so với tốc độ tăng trưởng của 02 năm trước, tuy nhiên mức tăng không đáng kể (chỉ tăng 0,07% so với năm 2015 và 0,64% so với năm 2016) và không đạt được mức tăng trưởng kế hoạch đề ra của năm nay là 6,7%, trong đó cả 03 khu vực I, II, III đều tăng thấp hơn so với kế hoạch.

(2) Nhiều doanh nghiệp thủy sản bị thua lỗ, nợ xấu gia tăng tại các ngân hàng thương mại trên địa bàn, từ đó tạo tâm lý e ngại khi đầu tư vốn tín dụng cho ngành hàng thủy sản, ảnh hưởng đến sự hấp thụ vốn tín dụng vào tăng trưởng kinh tế của tỉnh.

(3) Nhận thức, trách nhiệm bảo vệ môi trường trong cộng đồng có nâng lên nhưng còn chậm, một số địa phương chưa tích cực, chủ động trong kiểm tra, giám sát, kịp thời xử lý các vi phạm pháp luật về môi trường. Tình hình khai thác khoáng sản trái phép trong thời gian qua và ô nhiễm môi trường đối với các cơ sở nhỏ xen kẽ trong khu dân cư vẫn còn là vấn đề tiếp tục phải quan tâm xử lý trong thời gian tới.

(4) Công tác xúc tiến đầu tư, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm chủ lực của tỉnh đạt hiệu quả chưa cao.

(5) Khâu tổ chức thực hiện và kiểm tra giám sát của một số ngành địa phương trong một số lĩnh vực chưa thật sự quyết liệt, đạt hiệu quả chưa cao.

PHẦN THỨ HAI

Phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2018

Năm 2018, là năm giữa nhiệm kỳ Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020, có ý nghĩa quan trọng trong việc đẩy mạnh thực hiện các mục tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020. Trên tinh thần đó, các ngành, các cấp cần xác định rõ nhiệm vụ, yêu cầu để từ đó xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2018 theo hướng tích cực, phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế và điều kiện để duy trì mức tăng trưởng nhằm đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh một cách bền vững, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của tỉnh.

I. MỘT SỐ DỰ BÁO TÌNH HÌNH

Tăng trưởng kinh tế trong năm 2018 tiếp tục xu hướng cải thiện tích cực nhờ sự gia tăng hoạt động trong các lĩnh vực chế tạo, xây dựng, thương mại bán buôn và bán lẻ, ngân hàng và du lịch. Năm 2018, tăng trưởng kinh tế và thương mại của thế giới dự báo cao hơn năm 2017, tạo tiền đề thuận lợi hơn cho phát triển kinh tế và xuất khẩu. Môi trường đầu tư kinh doanh ngày càng cải thiện, hội nhập kinh tế ngày càng sâu rộng, thúc đẩy đầu tư trực tiếp nước ngoài và đầu tư tư nhân, giúp thúc đẩy sản xuất trong nước và thương mại. Thực hiện vai trò kiến tạo, Chính phủ tiếp tục tháo gỡ khó khăn của doanh nghiệp, nhằm thúc đẩy tăng trưởng được thực hiện triệt để và quyết liệt trong năm 2017 sẽ phát huy hiệu quả trong năm 2018. Bên cạnh những điều kiện thuận lợi, nền kinh tế nước ta sẽ gặp nhiều khó khăn, thách thức, chịu ảnh hưởng do diễn biến phức tạp của tình hình chính trị thế giới và khu vực; các cân đối vĩ mô duy trì ổn định nhưng chất lượng tăng trưởng, sức cạnh tranh của nền kinh tế và tốc độ tăng trưởng một số ngành thấp hơn kỳ vọng, đã và đang là những thách thức đối với nền kinh tế nước ta.

II. ĐÁNH GIÁ NHỮNG KHÓ KHĂN VÀ THUẬN LỢI KHI THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2018 CỦA TỈNH

1. Thuận lợi

Tình hình kinh tế thế giới tiếp tục xu hướng cải thiện tích cực của năm 2017, tăng trưởng kinh tế và thương mại của thế giới năm 2018 dự báo cao hơn năm 2017, tạo tiền đề thuận lợi hơn cho phát triển kinh tế và xuất khẩu; Chính phủ quan tâm cải cách thể chế, tạo mọi điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp tham gia đầu tư trong năm 2017 sẽ phát huy hiệu quả trong năm 2018, nhất là Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa có hiệu lực ngày 01/01/2018. Ngoài ra, khu vực nông lâm thủy sản cũng có nhiều triển vọng phát triển hơn khi giá lương thực toàn cầu tăng, những tác động tiêu cực của thời tiết giảm bớt và những hoạt động cải cách, tái cơ cấu

nông nghiệp bắt đầu có chuyển biến tích cực. Đây là điều kiện để tỉnh An Giang huy động nguồn lực của các tổ chức trong và ngoài người đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và phát triển nhanh mô hình cách đồng lớn; thúc đẩy các doanh nghiệp tìm kiếm, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm.

Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp của tỉnh đã triển khai, sau 2 năm bắt đầu có hiệu ứng, góp phần thúc đẩy tăng trưởng: cây ăn trái (chuối, xoài..) sẽ cho thu hoạch nhiều hơn, thực hiện chăn nuôi heo theo hình thức trang trại, áp dụng các tiến bộ kỹ thuật tiên tiến cho sản phẩm tăng ổn định. Thị trường tiêu thụ các loại nông sản: lúa, nếp, cá tra và các sản phẩm chăn nuôi có tín hiệu khả quan, giá các loại nông sản tăng hợp lý, kích thích các nhà đầu tư mở rộng sản xuất, nông dân sản xuất có hiệu quả hơn... sẽ góp phần rất lớn trong tăng trưởng khu vực nông nghiệp nói riêng và tăng trưởng kinh tế của tỉnh nói chung.

2. Khó khăn

Bên cạnh những điều kiện thuận lợi, nền kinh tế nước ta sẽ gặp nhiều khó khăn, thách thức, chịu ảnh hưởng do diễn biến phức tạp của tình hình chính trị thế giới và khu vực.

Đối với tỉnh An Giang vẫn còn nhiều khó khăn, như: trình độ sản xuất còn hạn chế, việc ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật chưa nhiều; đổi mới công nghệ; mô hình quản lý vẫn còn chậm; sản xuất nông nghiệp thiếu bền vững chủ yếu là sản xuất nhỏ lẻ, chưa có doanh nghiệp chế biến sâu các sản phẩm từ nông nghiệp và thủy sản; chưa phát huy được lợi thế cạnh tranh về điểm và khu du lịch so với các địa phương trong vùng... Theo dự báo tình hình xuất khẩu các mặt hàng của tỉnh vẫn tiếp tục chịu sự chi phối của thị trường, chịu áp lực cạnh tranh mạnh mẽ khi tham gia vào các cam kết tự do thương mại, gia tăng hàng rào kỹ thuật từ chính các nước nhập khẩu, các doanh nghiệp xuất khẩu trong tỉnh vẫn chưa tận dụng được tốt nhất các ưu đãi từ các hiệp định đã ký.

III. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU

1. Mục tiêu: Phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế, khai thác có hiệu quả các nguồn lực để phát triển kinh tế ổn định, bền vững theo hướng tăng trưởng xanh; Khai thác mạnh mẽ lợi thế so sánh của tỉnh trong liên kết vùng; Ứng phó và thích nghi hiệu quả với biến đổi khí hậu, chủ động phòng, chống thiên tai, tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường; Đẩy mạnh ứng dụng và chuyển giao công nghệ cao, công nghệ sinh học vào sản xuất và chế biến; Đẩy mạnh cải cách hành chính, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; Tạo môi trường thuận lợi cho doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh và thúc đẩy hoạt động khởi nghiệp sáng tạo; Tập trung đầu tư, nâng cao đời sống văn hóa tinh thần cho nhân dân; Thực hiện tốt các chính sách về giảm nghèo, đào tạo nghề, giải quyết

việc làm; Giữ vững ổn định chính trị, quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội, từng bước giảm thiểu tai nạn giao thông.

2. Các chỉ tiêu chủ yếu

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2018
1	Tốc độ tăng trưởng GRDP (Giá SS 2010)	%	6 – 6,5
	- Khu vực Nông, lâm, thủy sản	%	2 – 2,25
	- Khu vực Công nghiệp và Xây dựng	%	7,69 – 8,20
	- Khu vực Dịch vụ	%	8 – 8,66
	- Thuế sản phẩm trừ trợ giá chính sách	%	5,6
2	Cơ cấu kinh tế		
	- Khu vực Nông, lâm, thủy sản	%	28,86 - 28,93
	- Khu vực Công nghiệp và Xây dựng	%	14,65 - 14,66
	- Khu vực Dịch vụ	%	54,85 - 54,92
	- Thuế sản phẩm trừ trợ giá chính sách	%	1,56 – 1,57
3	Giá trị sản xuất nông nghiệp bình quân	Triệu đồng/ha	183
4	Kim ngạch xuất khẩu	Triệu USD	840
5	Tổng vốn đầu tư toàn xã hội	Tỷ đồng	26.557
6	Thu ngân sách từ kinh tế địa bàn (tỷ đồng)	Tỷ đồng	5.700
7	Tỷ lệ lao động được đào tạo so với tổng số lao động đang làm việc trong nền kinh tế quốc dân	%	60
8	Tỷ lệ hộ nghèo	%	4,55
9	Tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị	%	< 4
10	Tỷ lệ dân tham gia bảo hiểm y tế	%	81,5
11	Số giường bệnh trên 10.000 dân	Giường	20,25
12	Tỷ lệ che phủ rừng và cây xanh phân tán	%	22,4
13	Phần đầu xã đạt chuẩn nông thôn mới	Xã	43

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN NGÀNH NĂM 2018

1. Phát triển kinh tế

Triển khai thực hiện Kế hoạch 207/KH-UBND ngày 14/4/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc triển khai thực hiện Chương trình hành động số 12-CTr/TU ngày 10/02/2017 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về một số chủ trương, chính sách lớn nhằm tiếp tục đổi mới mô hình tăng trưởng,

nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động, sức cạnh tranh của nền kinh tế tỉnh An Giang giai đoạn 2016- 2020, nhằm thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 05-NQ/TW, ngày 01/11/2016 tại Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khóa XII) về một số chủ trương, chính sách lớn nhằm tiếp tục đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động, sức cạnh tranh của nền kinh tế.

1.1. Lĩnh vực nông nghiệp – lâm – thủy sản

Tiếp tục thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp; triển khai các quy hoạch sản phẩm, quy hoạch vùng sản xuất và các gói hỗ trợ kỹ thuật, tài chính, thị trường cho các sản phẩm (lúa, rau an toàn, bắp lai, nấm ăn, bò thịt, tôm càng xanh, hoa-cây kiểng). Thực hiện và nhân rộng các mô hình sản xuất theo chuỗi giá trị, nhân rộng mô hình “Cánh đồng lớn”, gắn với thực hiện các mô hình kinh tế hợp tác của HTX kiểu mới, liên kết từ cung ứng đầu vào và tiêu thụ sản phẩm đầu ra trong sản xuất và cung cấp các dịch vụ khác.

Nghiên cứu ứng dụng hiệu quả các chính sách đột phá về khoa học và công nghệ để nâng cao năng suất lao động, sức cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp. Có giải pháp thu hút các doanh nghiệp đầu tư phát triển nông thôn, nhất là các doanh nghiệp khởi nghiệp trong lĩnh vực nông nghiệp; Triển khai các giải pháp phát triển thị trường, tháo gỡ rào cản, tạo thuận lợi cho tiêu thụ nông sản; tăng cường gắn kết 4 nhà trong sản xuất nông nghiệp tạo chuỗi liên kết sản xuất - chế biến - tiêu thụ sản phẩm; tăng sức cạnh tranh và hội nhập kinh tế quốc tế hướng tới một nền nông nghiệp hữu cơ, chất lượng và có giá trị kinh tế cao. Tăng cường các giải pháp quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm. Xử lý việc sử dụng chất cấm trong sản xuất nông lâm nghiệp và thủy sản.

1.2. Lĩnh vực công nghiệp- xây dựng

a) Công nghiệp - TTCN

Tiếp tục tập trung thực hiện các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho sản xuất, kinh doanh; thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp trong đổi mới công nghệ, nâng cao giá trị sản xuất, đổi mới mô hình quản lý để hạ giá thành, tăng khả năng cạnh tranh của sản phẩm. Tiếp tục mở rộng chương trình khuyến công, tạo việc làm khu vực nông thôn, tăng thu nhập bà con nông dân.

Tạo điều kiện cho các dự án đầu tư, nhất là các dự án có quy mô lớn đi vào hoạt động để tăng nhanh sản lượng công nghiệp góp phần đẩy nhanh tốc độ phát triển ngành công nghiệp và tạo đà tăng trưởng cho năm tiếp theo.

Tăng cường mời gọi đầu tư vào các khu, cụm công nghiệp ưu tiên các ngành công nghiệp thu hút nhiều lao động địa phương; Đẩy nhanh tiến độ đầu tư xây dựng hoàn chỉnh các công trình khu, cụm công nghiệp gắn với lợi thế vùng kinh tế trọng điểm.

b) Đầu tư xây dựng

Tập trung triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2016-2020 theo quy định của pháp luật về đầu tư công, quy định của Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 5/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Thực hiện tốt công tác lập kế hoạch vốn đầu tư phù hợp với khả năng triển khai thực tế và khả năng cân đối vốn của cả Tỉnh, không để xảy ra nợ đọng xây dựng cơ bản theo quy định tại Chỉ thị số 07/CT-TTg ngày 30/4/2015. Đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với các Nghị quyết của Tỉnh về phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, từ đó tạo đòn bẩy phát triển kinh tế của Tỉnh.

1.3. Lĩnh vực dịch vụ

Tích cực thiết lập và củng cố các mối liên kết thương mại với các tỉnh, trong đó ưu tiên thị trường thành phố Hồ Chí Minh; Tăng cường hội nghị kết nối giao thương với các tỉnh, thành trong cả nước, đặc biệt là các tỉnh có nhiều tiềm năng và lợi thế cho sản phẩm An Giang; Tổ chức các phiên chợ hàng Việt về nông thôn, phiên chợ sản phẩm An Giang, đặc sản vùng miền,... nhằm đưa hàng hóa của An Giang tiếp cận với đông đảo người tiêu dùng và xâm nhập vào các kênh phân phối; Nâng chất và duy trì thường xuyên các sự kiện xúc tiến thương mại biên giới, tổ chức giao thương doanh nghiệp hai nước Việt Nam – Campuchia, xây dựng kênh đối thoại hỗ trợ doanh nghiệp trong tình tiếp cận và mở rộng thị trường Campuchia thông qua nội dung thỏa thuận hợp tác thương mại với hai tỉnh giáp biên.

Tăng cường liên kết, phối hợp với các Tham tán Thương mại Việt Nam tại nước ngoài và các thương vụ nước ngoài tại Việt Nam để đẩy mạnh hoạt động xúc tiến thương mại và mở rộng thị trường cho hàng hóa, dịch vụ của An Giang. Thường xuyên tạo điều kiện để doanh nghiệp tham gia hội chợ và hội thảo gắn kết giao thương. Tăng cường công tác dự báo thị trường trong và ngoài nước, phổ biến kịp thời thông tin thị trường; nắm rõ các rào cản kỹ thuật và chủ động xây dựng các biện pháp để khắc phục.

Tập trung hoàn chỉnh các quy hoạch phát triển du lịch, ban hành chính sách hỗ trợ sau đầu tư trong lĩnh vực du lịch trên địa bàn tỉnh, xây dựng sản phẩm du lịch mới, từ đó hình thành các tuyến du lịch nội vùng và liên vùng có tính hấp dẫn và cạnh tranh cao. Phấn đấu đưa vào khai thác

một số công trình trọng điểm phục vụ du khách ở Núi Sam – Châu Đốc, Thoại Sơn...

Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động quảng bá, xúc tiến và liên kết du lịch. Lựa chọn, tham gia có chọn lọc vào các hoạt động, sự kiện du lịch tại các thị trường có tiềm năng để quảng bá hình ảnh của tỉnh đến với du khách trong và ngoài nước. Nâng cao chất lượng dịch vụ điểm đến, đảm bảo an toàn an ninh cho du khách, môi trường du lịch an toàn, thân thiện với du khách, nghiêm túc chấn chỉnh và xử phạt những hành vi sai phạm, “chặt chém” du khách, gây ảnh hưởng xấu đến hình ảnh du lịch An Giang.

1.4. Phát triển doanh nghiệp và thu hút đầu tư

Xây dựng và triển khai thực hiện các nghị quyết: Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 03/6/2017 về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; Nghị quyết số 11- NQ/TW, ngày 03/6/2017 “Về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa”; Nghị quyết số 12-NQ/TW, ngày 03/6/2017 “Về tiếp tục cơ cấu lại, đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp Nhà nước”.

Tổ chức Hội nghị Xúc tiến đầu tư tỉnh An Giang năm 2018 gắn với kỷ niệm 130 năm ngày sinh của Chủ tịch Tôn Đức Thắng (20/8/1888 - 20/8/2018). Trong đó, tập trung thực hiện các nhiệm vụ giải pháp về tạo quỹ đất sạch để kêu gọi đầu tư, rà soát và xây dựng thông tin chi tiết về dự án đối với danh mục dự án kêu gọi đầu tư giai đoạn 2015 – 2020, định hướng đến năm 2025 để làm cơ sở cho việc kêu gọi các nhà đầu tư thực hiện dự án.

Tập trung cải cách hành chính; thực hiện Chương trình hành động của Ủy ban nhân dân tỉnh về cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) gắn với thực hiện có hiệu quả Chương trình hành động số 377/CTr-UBND ngày 14/7/ 2016 của UBND tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16/5/2016 của Chính phủ về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020 theo Kế hoạch số 105/KH-UBND ngày 03/3/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh. Duy trì cơ chế đối thoại thường xuyên giữa lãnh đạo tỉnh, các ngành với doanh nghiệp, nhà đầu tư tối thiểu 02 lần/năm để xử lý kịp thời các khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp. Tổ chức mạng lưới tư vấn, hỗ trợ đăng ký doanh nghiệp, đăng ký kinh doanh qua mạng điện tử, đơn giản hóa thủ tục đăng ký doanh nghiệp...

Thường xuyên rà soát, cập nhật các cam kết song phương, đa phương, các Hiệp định thương mại thế hệ mới, các cơ chế, chính sách, điều kiện đầu tư kinh doanh để kịp thời cung cấp, hỗ trợ, tư vấn cho doanh nghiệp, nhà đầu tư thực hiện đầu tư sản xuất kinh doanh trên địa

bàn tỉnh; đồng thời kiến nghị cấp có thẩm quyền sửa đổi các nội dung không đồng bộ, thiếu nhất quán; các quy định còn bất cập, chưa rõ ràng liên quan đến thủ tục đầu tư và kinh doanh.

Rà soát các dự án đã cấp Quyết định chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, trên cơ sở đó có biện pháp hỗ trợ, tập trung tháo gỡ vướng mắc và tạo điều kiện để dự án sớm triển khai; thu hồi Quyết định chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với các dự án không có khả năng triển khai thực hiện.

1.5. Phát triển kinh tế tập thể

Tuyên truyền, tập huấn Luật HTX năm 2012; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của HTX, tổ hợp tác; triển khai thực hiện Chương trình hỗ trợ đầu tư kết cấu hạ tầng cho HTX nông nghiệp giai đoạn 2016 – 2020; tập trung nguồn lực phát triển kinh tế tập thể gắn với Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới; huy động các lực lượng xã hội, các tổ chức đoàn thể trong nước, các tổ chức quốc tế tham gia thúc đẩy phát triển kinh tế tập thể trên địa bàn tỉnh.

1.6. Tài chính - ngân hàng

Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực tài chính hiệu quả, công bằng, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội; Nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Thực hiện nghiêm túc chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước Trung ương về các giải pháp điều hành tiền tệ và tài khoá.

Tổ chức, quản lý chặt chẽ nguồn thu và đối tượng nộp thuế thực tế phát sinh. Tăng cường hoạt động kiểm tra, thanh tra thị trường, chống buôn lậu, gian lận thương mại, ngăn chặn xử lý kịp thời các trường hợp trốn lậu thuế. Đẩy mạnh việc triển khai cơ chế tự chủ đối với đơn vị sự nghiệp công theo lộ trình tính giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định tại Nghị định 16/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2016 của Chính phủ.

2. Phát triển văn hóa - xã hội

Xây dựng và triển khai thực hiện các nghị quyết: Nghị quyết 20/NQ-TW ngày 25/10/2017 về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới; Nghị quyết 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 về công tác dân số trong tình hình mới.

Tiếp tục thực hiện Chương trình hành động số 05 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết 29-NQ/TW Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về “Đổi mới căn bản, toàn diện GDĐT, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”. Thực hiện việc đổi mới mô

hình phát triển dựa vào chất lượng, chú trọng giáo dục đạo đức, đưa công tác tư vấn vào trường học nhằm giảm tình trạng bạo lực học đường. Tiếp tục ưu tiên đầu tư các điểm trường thuộc các xã trong lộ trình xây dựng nông thôn mới, lộ trình chuẩn quốc gia.

Tăng cường công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho người lao động; liên kết với các cơ sở sản xuất kinh doanh đào tạo theo nhu cầu sử dụng. Tiếp tục triển khai có hiệu quả Đề án xuất khẩu lao động sang thị trường có thu nhập cao; tập trung giải quyết tốt những vướng mắc liên quan đến xuất khẩu lao động trong thời gian qua. Triển khai có hiệu quả các chính sách an sinh xã hội, người có công, vùng đồng bào dân tộc trên địa bàn tỉnh; rà soát cập nhật những đối tượng chính sách để thực hiện đầy đủ những quy định của nhà nước.

Tập trung công tác phòng chống, kiểm soát dịch bệnh; phối hợp với các ngành chức năng và địa phương đẩy mạnh công tác tuyên truyền, kiểm tra, kiểm soát an toàn vệ sinh thực phẩm. Tiếp tục sắp xếp các cơ sở y tế cấp huyện nhằm nâng cao hiệu quả công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân.

Kiểm soát khai thác khoáng sản gắn với bảo vệ môi trường và phòng tránh sạt lở, sự cố môi trường; bảo vệ nguồn nước, ứng phó, thích ứng với biến đổi khí hậu; kiểm soát tốt môi trường và bảo vệ khu bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ cảnh quan du lịch; xử lý các khu điểm ô nhiễm môi trường nghiêm trọng; kiên quyết xử lý đối với các hành vi vi phạm pháp luật về quản lý sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường; làm tốt công tác giải quyết khiếu nại tố cáo trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường.

Quản lý tốt về công tác thông tin, đảm bảo công tác thông tin trung thực, chính thống, kịp thời, tránh đưa những thông tin bất lợi, tạo dư luận xấu, gây tâm lý bất an trong xã hội, kịp thời phản tuyên truyền những thông tin không đúng sự thật.

3. Lĩnh vực nội chính và quản lý nhà nước

Xây dựng và triển khai thực hiện các nghị quyết Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; Nghị quyết 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập.

Triển khai và giám sát việc thực hiện có hiệu quả các Nghị quyết, Quyết định, Chỉ thị của Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ và các văn bản chỉ đạo của Bộ, ngành Trung ương; tiếp tục đẩy mạnh thực hiện các

Chương trình hành động của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết Đảng bộ tỉnh lần thứ X.

Tập trung xây dựng nền hành chính công trong sạch, vững mạnh, minh bạch, thông suốt, chuyên nghiệp, tiến tới hiện đại; Nâng cao nhận thức, tinh thần trách nhiệm của các cấp, các ngành về nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh; Đảm bảo hiệu lực quản lý, hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước. Tiếp tục tăng cường công tác tiếp công dân và đối thoại nhằm giải quyết kịp thời những vấn đề bức xúc của xã hội.

Chủ động và tích cực hội nhập quốc tế phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Khai thác hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế góp phần đẩy nhanh việc tái cơ cấu kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng chất lượng và nâng cao năng lực cạnh tranh. Tăng cường quảng bá hình ảnh và con người, những nét văn hoá đặc sắc của An Giang với bạn bè quốc tế.

Giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh, đặc biệt là các địa bàn trọng điểm, vùng biên giới và các khu công nghiệp có yếu tố nước ngoài. Tăng cường công tác nắm tình hình nhất là tình hình ngoại biên, chủ động phương án đối phó khi có tình huống xảy ra, thực hiện nghiêm túc mệnh lệnh, chỉ thị sẵn sàng chiến đấu năm 2018 của Bộ Quốc phòng và của Quân khu. Xây dựng lực lượng vũ trang vững mạnh toàn diện, nâng cao sức mạnh tổng hợp và trình độ sẵn sàng chiến đấu, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong mọi tình huống, không để xảy ra các vụ việc bất ngờ.

Năm 2018, là năm giữa nhiệm kỳ Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020, có ý nghĩa quan trọng trong việc đẩy mạnh thực hiện các mục tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020. Trên tinh thần đó, các ngành, các cấp cần xác định rõ nhiệm vụ, yêu cầu để từ đó xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2018 theo hướng tích cực, phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế và điều kiện để duy trì mức tăng trưởng nhằm đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh một cách bền vững, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị đã đề ra. *tt*

Nơi nhận:

- TT.TU, HĐND tỉnh;
- CT, các P.CT UBND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo Vp.UBND tỉnh;
- Các phòng thuộc Vp.UBND tỉnh;
- Lưu HCTC.

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN

KT.CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Văn Nung

Lê Văn Nung